

của môn học Chủ nghĩa xã hội khoa học, tránh sự trùng lặp nội dung với hai môn trên. Cần thường xuyên liên hệ thực tiễn để làm rõ cơ sở khoa học và vận dụng sáng tạo của Đảng ta trong Cương lĩnh xây dựng đất nước và con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở nước ta.

- Cần có đủ giáo trình cho sinh viên. Giảng viên chỉ tập trung làm rõ những nội dung cơ bản, gợi ý cho sinh viên học tập. Ngoài giáo trình cần cung cấp cho sinh viên những tài liệu tham khảo như: Tài liệu hướng dẫn học tập về văn kiện của Đảng, các tổng kết thực tiễn trong từng thời kỳ.

- Phát huy phương pháp đối thoại, gợi mở, tự do tư tưởng, nắm bắt được những thắc mắc của sinh viên để giải đáp kịp thời, gây hứng thú cho họ trong học tập. Việc tổ chức kiểm tra, thi học phần, đánh giá kết quả học tập môn học theo quy định hiện hành./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giáo dục
và Đào tạo
Thứ trưởng

TRẦN VĂN NHUNG

**QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ
Giáo dục và Đào tạo số 46/2003/
QĐ-BGDĐT ngày 29/9/2003 về
việc ban hành Chương trình
Giáo dục bổ túc tiểu học.**

BỘ TRƯỞNG BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Căn cứ Nghị định số 86/2002/NĐ-CP ngày 05/11/2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu của Bộ, cơ quan ngang Bộ;

Căn cứ Nghị định số 85/2003/NĐ-CP ngày 18/7/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Chỉ thị số 14/2001/CT-TTg ngày 11/6/2001 của Thủ tướng Chính phủ về việc đổi mới chương trình giáo dục phổ thông thực hiện Nghị quyết số 40/2000/QH10 của Quốc hội;

Căn cứ vào biên bản họp Hội đồng thẩm định Chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học;

Theo đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định Chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Giáo dục thường xuyên,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo và áp dụng từ năm học 2003 - 2004, thay thế Quyết định số 3606/GD-ĐT ngày

29 tháng 8 năm 1996 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình Giáo dục tiểu học hệ Bổ túc.

Điều 3. Các Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ giáo dục thường xuyên, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc cơ quan Bộ Giáo dục và Đào tạo, Giám đốc các Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thủ trưởng

NGUYỄN VĂN VỌNG

CHƯƠNG TRÌNH giáo dục bổ túc tiểu học

(ban hành theo Quyết định số 46/2003/QĐ-BGDĐT ngày 29/9/2003 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo).

I. GIỚI THIỆU CHUNG

A. MỤC TIÊU

Chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học nhằm:

1. Hình thành và phát triển các kỹ

năng cơ bản, thiết thực về đọc, viết, tính toán.

2. Cung cấp những kiến thức hành dụng để người học áp dụng vào sản xuất, đời sống hằng ngày nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống và góp phần thực hiện các mục tiêu kinh tế, xã hội của cộng đồng, đất nước.

3. Bồi dưỡng nhân cách con người Việt Nam. Góp phần phát triển năng lực tư duy, khả năng suy luận hợp lý và diễn đạt đúng. Hình thành bước đầu phương pháp tự học; làm việc có kế hoạch khoa học, chủ động, linh hoạt, sáng tạo.

B. CẤU TẠO CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học chia thành 5 lớp và thực hiện theo 2 giai đoạn.

Giai đoạn I: Dành cho những người mới bắt đầu học chữ. Chương trình được thực hiện trong 150 buổi, mỗi buổi 100 phút và chia thành 3 lớp 1, 2, 3.

Sau khi học xong lớp 3, nếu qua kiểm tra đạt yêu cầu, người học được cấp giấy công nhận biết chữ.

Giai đoạn II: Dành cho những người mới được công nhận biết chữ và những người sau khi học hết lớp 3 tiểu học đã bỏ học, nay có nhu cầu tiếp tục học tập trở lại.

Chương trình ở giai đoạn II nhằm đảm bảo cho những người đã học hết lớp 3

tránh nguy cơ trở lại không biết chữ và đáp ứng cho những người có nhu cầu học lên bậc Trung học cơ sở.

Phần này được thực hiện trong 150 buổi, mỗi buổi 100 phút và gồm 2 lớp 4, 5.

Sau khi học hết lớp 5, qua kỳ thi kiểm tra, nếu đạt yêu cầu, người học được cấp bằng Tốt nghiệp Tiểu học hệ Bổ túc.

C. YÊU CẦU

Học xong giai đoạn I, học viên cần đạt được:

1. Về kỹ năng biết chữ

1.1. Tiếng Việt

a) Đọc:

- Đọc (thành tiếng) trôi chảy, rành mạch, biết ngừng nghỉ hợp lý cuối mỗi cụm từ, mỗi câu, mỗi đoạn văn.

- Đọc hiểu các văn bản ngắn có cấu trúc đơn giản, có nội dung liên quan đến những vấn đề gần gũi với đời sống của người học.

b) Viết:

- Chép được một bài khoảng 100 - 120 chữ trong 25 phút, không mắc quá 5 lỗi về chính tả.

- Biết điền vào các mẫu in sẵn (đơn từ, bảng biểu...) đơn giản, thông thường.

- Viết được một đoạn khoảng 10 - 12 câu để tự ghi chép hoặc thông báo tin tức thông thường cho người thân.

1.2. Toán

- Đọc hiểu, viết đúng các số tự nhiên có 7, 8 chữ số và các số thập phân có 2 chữ số ở phần thập phân.

- Làm thành thạo hai phép tính cộng, trừ số tự nhiên và số thập phân.

- Biết làm tính nhân, tính chia một số tự nhiên có 4, 5 chữ số với một số tự nhiên có 2 chữ số.

- Biết xem đồng hồ, xem lịch, nhận biết giá trị các đồng tiền Việt Nam.

- Nắm được các đơn vị đo độ dài, đo khối lượng, đo diện tích, đo thể tích.

- Cách tính chu vi, diện tích hình vuông, hình chữ nhật; tính thể tích hình hộp chữ nhật, hình lập phương.

2. Về kiến thức hành dụng

Nắm được và cố gắng áp dụng các chủ đề hành dụng đã học vào đời sống và sản xuất để nâng cao chất lượng cuộc sống cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

Học xong giai đoạn II, học viên cần đạt được:

1. Về kỹ năng biết chữ

1.1. Tiếng Việt

a) Đọc:

Đọc thông với yêu cầu đọc trôi chảy, lưu loát, diễn đạt được nội dung bài đọc; sau khi đọc có thể tóm tắt được nội dung và các ý chính của bài, hình thành thói quen đọc thêm.

b) Viết:

Viết thạo với yêu cầu chữ viết rõ ràng, bài viết rành mạch, rõ từng ý, không mắc lỗi chính tả thông thường.

c) Ngữ pháp:

Nắm được khái niệm về các từ loại; câu đơn và các thành phần của câu đơn; các kiểu câu. Có hiểu biết về các dấu câu, về câu ghép; cách sử dụng một số từ quan hệ; sửa chữa một số lỗi đặt câu.

d) Tập làm văn:

Làm được một số loại đơn theo mẫu; viết thư; viết giấy biên nhận, biên bản, báo cáo ngắn; viết được bài tả cảnh, tả người, kể chuyện thông thường.

1.2. Toán

- Vận dụng được các kỹ năng đọc, viết các số; quy tắc thực hiện bốn phép tính số tự nhiên và hai phép tính cộng, trừ số thập phân; những kiến thức về các đơn vị đo lường và hình học đã học trong chương trình các lớp 1, 2, 3 vào việc giải các bài toán thực tiễn đơn giản.

- Làm thành thạo bốn phép tính cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên và số thập phân trong phạm vi lớp triệu. Thực hiện đúng bốn phép tính trên với phân số và số đo thời gian.

- Đọc hiểu, viết đúng các số tự nhiên trong phạm vi lớp triệu, số thập phân, phân số và số phần trăm; cách chuyển đổi một số đơn vị đo lường (chủ yếu đổi xuôi từ đơn vị lớn xuống đơn vị nhỏ hơn).

- Nắm được các khái niệm đơn giản về

các hình thường gặp và cách tính diện tích, thể tích của các hình đó để vận dụng vào thực tiễn.

- Giải được các bài toán hợp có đến 3, 4 phép tính; các bài toán trung bình cộng; các bài toán tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch; các bài toán về phần trăm và chuyển động đều.

2. Về kiến thức hành dụng

Hiểu và có ý thức vận dụng các chủ đề hành dụng đã học vào sản xuất và đời sống để nâng cao chất lượng cuộc sống cho bản thân, gia đình và cộng đồng.

3. Về khả năng định hướng học tập

Có khả năng tiếp tục học tập ở bậc Trung học cơ sở hoặc tự xác định được hướng học tập, tiếp thu các kiến thức theo nhu cầu bản thân; bước đầu có khả năng tự học.

II. CHƯƠNG TRÌNH CỦA TỪNG LỚP

1. Lớp 1

1.1. Thời gian:

50 buổi học. Mỗi buổi 100 phút (70 phút tiếng Việt và 30 phút Toán).

1.2. Mục tiêu:

- Dạy đọc, viết các chữ ghi âm, vần, tiếng, từ, câu ngắn; giúp học viên đạt trình độ biết chữ, có khả năng học lên lớp 2.

- Dạy đọc, viết các chữ số, các số đơn

giản; dấu các phép tính và các kí hiệu toán học thường gặp.

- Bước đầu biết làm tính cộng, trừ, nhân, chia với các số nhỏ.

1.3. Nội dung:

a) Tiếng Việt

- Học tất cả các con chữ, các dấu thanh; dùng các con chữ để ghi âm, ghép các âm thành vần, thành tiếng. Hết lớp 1 học viên phải đọc hiểu một số câu đơn giản.

- Nội dung về cuộc sống được đưa vào minh họa cho việc học chữ làm cho việc học chữ có hứng thú hơn.

b) Toán

- Đọc, viết, so sánh các số đến 1000.
- Cộng, trừ số tự nhiên đến 100.
- Nhân, chia số tự nhiên đến 100.
- Giải bài toán có phép tính cộng, trừ (chủ yếu bài toán thêm, bớt một số).

2. Lớp 2

2.1. Thời gian:

50 buổi học. Mỗi buổi 100 phút (70 phút tiếng Việt, 30 phút Toán).

2.2. Mục tiêu:

- Nắm được và bước đầu biết áp dụng các chủ đề hành dụng vào đời sống.

- Học các kiến thức cơ bản, tối thiểu, cần thiết làm cơ sở cho việc rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, tính toán.

- Bước đầu biết áp dụng các kỹ năng đọc, viết, tính toán đã học vào những văn bản thường gặp trong cuộc sống.

2.3. Nội dung:

a) Tiếng Việt

- Về kiến thức

+ Ôn các vần đã học, chủ yếu là các vần có nguyên âm đôi. Học thêm một số vần khó, ít dùng như oong, uyuu, uya, uyê.

+ Các trường hợp viết hoa.

+ Phân biệt chính tả: chỉ yêu cầu bắt buộc đối với những trường hợp chung có quy tắc (g- gh, ng- ngh, c- k- q).

+ Nhận biết và sử dụng được (trong những trường hợp đơn giản nhất) các dấu câu: chấm, chấm hỏi, chấm than, phẩy.

+ Câu đơn: câu đơn có hai bộ phận chính, câu đơn mở rộng thêm một thành phần phụ (trạng ngữ).

- Về kỹ năng đọc

+ Đọc hiểu các văn bản ngắn từ 50 - 60 tiếng đến 110 - 140 tiếng.

+ Bước đầu tập đọc các văn bản có sử dụng hình vẽ, kí hiệu, sơ đồ bảng... (ở mức độ đơn giản, dễ hiểu).

+ Đọc hiểu các văn bản đơn giản thường gặp trong cuộc sống như sổ hộ tịch, danh sách cử tri, bảng hướng dẫn sử dụng một số loại thuốc thông thường, bảng ghi giá hàng, bảng ghi giờ tàu xe, hóa đơn mua hàng, bảng thu chi gia đình, v.v...

- Về kỹ năng viết

+ Tập chép, tập nghe - viết 1 - 2 từ, 1 - 2 câu đến viết bài chính tả từ 30 - 40 chữ đến 50 - 60 chữ.

+ Biết điền vào văn bản có mẫu in sẵn, đơn giản, thường dùng trong thực tiễn như giấy khai sinh, đơn xin đăng ký kết hôn, v.v...

+ Viết từng câu theo một từ, một số từ gợi ý; viết đoạn thông báo tin tức cá nhân, tin tức gia đình hoặc đoạn văn kể, tả ngắn (3 - 5 câu) theo gợi ý cho sẵn.

b) Toán

- Đọc, viết, các số tự nhiên đến lớp nghìn. Đọc, viết số thập phân.

- Cộng, trừ số tự nhiên và số thập phân.

- Nhân, chia hết một số tự nhiên có 4, 5 chữ số với số tự nhiên có một chữ số.

- Một số đơn vị đo chiều dài, đơn vị đo khối lượng.

- Hình vuông, hình chữ nhật và cách tính chu vi các hình đó.

- Bước đầu tập sử dụng các kỹ năng tính toán, đã học vào giải một số bài toán thực tế đơn giản của cuộc sống.

c) Kiến thức hành dụng

Các kiến thức hành dụng được biên soạn theo 16 chủ đề thuộc 4 lĩnh vực sau đây:

Các lĩnh vực	Vòng 1	Vòng 2	Vòng 3	Vòng 4
Đời sống gia đình	Gia đình	Quan hệ trong gia đình	Sức khỏe gia đình	Gia đình văn hóa mới
Bảo vệ sức khỏe	Vệ sinh ăn uống	Tiêm chủng phòng bệnh cho trẻ	Vệ sinh môi trường	Diệt động vật truyền nhiễm
Kinh tế và thu nhập	Cây lúa	Cây lúa (tiếp)	Nuôi lợn	Đất trồng
Ý thức công dân	Đất nước ta	Lịch sử Việt Nam	Văn hóa dân tộc	Đảng và Bác Hồ

3. Lớp 3

3.1. Thời gian:

50 buổi học. Mỗi buổi 100 phút (70 phút tiếng Việt, 30 phút Toán).

3.2. Mục tiêu:

- Nắm được và áp dụng các chủ đề hành dụng đã học vào đời sống

- Rèn luyện để củng cố và nâng cao các kỹ năng đọc, viết, tính toán đã đạt được.

- Cung cấp bổ sung một số kiến thức cơ

bản, cần thiết làm cơ sở cho việc rèn luyện nâng cao các kỹ năng trên.

- Coi trọng việc sử dụng các kỹ năng đọc, viết, tính toán vào cuộc sống.

3.3. Nội dung:

a) Tiếng Việt

- Về kiến thức

+ Ôn và bổ sung kiến thức về câu đơn.

+ Học mới: Câu phức; từ quan hệ, cặp từ quan hệ.

- Về kỹ năng đọc

Tương tự như lớp 2 với yêu cầu cao hơn

- + Chú ý rèn luyện kỹ năng đọc thầm để nâng cao nhanh tốc độ đọc.

- + Đọc hiểu các văn bản có độ dài từ 150 tiếng đến 300 tiếng.

- + Đặc biệt chú ý các loại văn bản, các loại ngôn ngữ thông dụng trong đời sống của người học.

- Về kỹ năng viết

- + Viết chính tả bài có độ dài nhiều nhất 70 - 80 chữ.

- + Tập điền vào văn bản có mẫu in sẵn thường dùng trong đời sống của người học.

- + Tập viết những thông báo tin tức của cá nhân, của gia đình hoặc đoạn văn (kể, tả) ngắn có độ dài từ 5 - 6 câu đến 7 - 10 câu.

b) Toán

- Rèn luyện, củng cố và nâng cao các kỹ năng đã học.

- Học mới:

- + Đọc, viết số hàng triệu. Giới thiệu về phần trăm.

- + Nhân, chia một số tự nhiên có 4, 5 chữ số với một số tự nhiên có 2 chữ số.

- + Đơn vị đo diện tích. Tính diện tích hình vuông, hình chữ nhật.

- + Đơn vị đo thể tích. Tính thể tích hình lập phương, hình hộp chữ nhật.

- + Tập sử dụng các kỹ năng tính toán đã học vào giải một số bài toán thực tế đơn giản trong đời sống.

c) Kiến thức hành dụng

Các kiến thức hành dụng được biên soạn theo 16 chủ đề thuộc 4 lĩnh vực sau đây:

Các lĩnh vực	Vòng 5	Vòng 6	Vòng 7	Vòng 8
Đời sống gia đình	Thu nhập và chi tiêu của gia đình	Kế hoạch hóa gia đình	Phong tục và truyền thống gia đình	Đạy con
Bảo vệ sức khỏe	Thuốc chữa bệnh	Nuôi con nhỏ	Chăm sóc sức khỏe bà mẹ	Mạng lưới y tế
Kinh tế và thu nhập	Sản xuất và kinh doanh	V.A.C.	Nghề phụ gia đình	Bảo quản nông phẩm
Ý thức công dân	Sống và làm việc theo pháp luật	Quyền và nghĩa vụ công dân	Quyền và nghĩa vụ công dân (tiếp)	Rừng của chúng ta

4. Lớp 4

4.1. Thời gian:

75 buổi học, mỗi buổi 100 phút (chia làm 2 tiết, mỗi tiết học 50 phút). Chương

trình có 100 tiết tiếng Việt và 50 tiết Toán.

4.2. Mục tiêu:

- Hiểu và vận dụng được các chủ đề thuộc 6 lĩnh vực hành dụng.

09673564

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

- Hệ thống hóa một số kiến thức về tiếng Việt. Rèn luyện các kỹ năng giải toán và tập làm văn.

- Bước đầu rèn luyện các phương pháp suy nghĩ khoa học.

4.3. Nội dung:

a) Tiếng Việt

- Về kiến thức

+ Nắm được các kiến thức hành dụng thuộc 6 lĩnh vực: Đời sống gia đình; Kinh tế thu nhập; Kỹ thuật nông nghiệp; Bảo vệ sức khỏe; Dân số và môi trường; Đạo đức công dân.

+ Tập giải nghĩa các từ khó trong bài khóa.

+ Ngữ pháp:

* Hình thành các khái niệm về danh từ, động từ, tính từ, đại từ nhân xưng, từ quan hệ, từ cảm, số từ.

* Câu đơn và thành phần của câu đơn (các bộ phận nòng cốt của câu: chủ ngữ, vị ngữ; phân phụ trạng ngữ).

* Các kiểu câu (phân loại theo mục đích nói) và dấu câu tương ứng, câu kể, câu hỏi, câu cảm, câu cầu khiến.

+ Tập làm văn

* Làm một số loại đơn theo mẫu.

* Viết thư để: mời, cảm ơn, trao đổi công việc, kể chuyện bản thân, gia đình, v. v...

- Về kỹ năng

+ Nghe nói: Nghe và nói lại được ý

chính của một bài đơn giản về một vấn đề thuộc 6 lĩnh vực hành dụng.

+ Đọc:

* Đọc trôi chảy, lưu loát, phát âm rõ ràng.

* Hình thành kỹ năng đọc thầm.

* Tóm tắt nội dung bài khóa sau khi đọc (dựa vào các câu hỏi gợi ý). Tập nhận biết bố cục và đại ý của bài.

+ Viết:

* Chữ đủ nét, rõ ràng; trình bày sáng sủa.

* Viết được một bài lược thuật sự việc đơn giản khoảng 10 - 15 câu có ý rõ ràng, diễn đạt rành mạch, người đọc hiểu được nội dung.

b) Toán:

- Ôn đọc, viết các số tự nhiên, số thập phân, phần trăm; quy tắc làm 4 phép tính số tự nhiên và 2 phép tính cộng, trừ số thập phân.

- Các biểu thức có chứa một, hai, ba chữ. Tính chất giao hoán và kết hợp của hai phép tính cộng, nhân. Thứ tự thực hiện các phép tính trong một biểu thức.

- Nhân, chia số thập phân.

- Phương pháp giải các bài toán có 3, 4 phép tính; các bài toán về trung bình cộng, tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch, tìm hai số biết tổng và hiệu của hai số đó.

c) Kiến thức hành dụng

Các kiến thức hành dụng ở lớp 4 được biên soạn theo 24 chủ đề thuộc 6 lĩnh vực sau đây:

Lĩnh vực hành dụng	Vòng 1	Vòng 2	Vòng 3	Vòng 4
Đời sống gia đình	Quan hệ vợ chồng	Quan hệ cha mẹ, con cái	Phân công lao động trong gia đình	Xây dựng kế hoạch chi tiêu
Kinh tế thu nhập	Mô hình kinh tế hộ gia đình vùng đồng bằng	Mô hình kinh tế hộ gia đình vùng trung du, miền núi	Nghề phụ	Định hướng sản xuất, quản lý, kinh doanh nhỏ
Kỹ thuật nông nghiệp	Cây lúa	Con lợn	Hoa mầu	Gia cầm
Bảo vệ sức khỏe	Vệ sinh cá nhân và vệ sinh ăn uống	Chất lượng bữa ăn và chế biến thức ăn	Vệ sinh nơi ở	Phòng và chữa bệnh thường gặp
Dân số và môi trường	Hậu quả tăng nhanh dân số	Tác hại của đẻ sớm, đẻ dày, đẻ nhiều	Sinh đẻ có kế hoạch	Các biện pháp tránh thai
Đạo đức công dân	Quyền cơ bản của công dân	Nghĩa vụ cơ bản của công dân	Cơ cấu chính quyền Nhà nước ở cơ sở	Luật Đất đai, Luật Hôn nhân và gia đình, Luật Hình sự

5. Lớp 5

5.1. Thời gian:

75 buổi học, mỗi buổi 100 phút (chia làm 2 tiết, mỗi tiết học 50 phút). Có 100 tiết tiếng Việt và 50 tiết Toán.

5.2. Mục tiêu:

- Hiểu và vận dụng được các kiến thức hành dụng đã học.

- Hoàn thiện các kỹ năng đọc, viết, tính toán ở cấp Tiểu học.

- Rèn luyện phong cách làm việc có kế hoạch khoa học. Hình thành phương pháp tự học.

5.3. Nội dung:

a) Tiếng Việt

- Về kiến thức

+ Cung cấp những kiến thức hành dụng thuộc 6 lĩnh vực gắn gũi với đời sống hàng ngày.

+ Tập giải nghĩa các từ khó xuất hiện trong bài khóa.

+ Ngữ pháp:

* Hệ thống hóa những hiểu biết về dấu câu, về câu ghép (các vế câu, dấu hiệu ngăn cách các vế câu ở dạng nói và viết).

* Cách sử dụng một số từ quan hệ để diễn đạt các quan hệ logic, ngữ nghĩa.

+ Tập làm văn:

* Tập làm dàn bài chi tiết.

* Tập sử dụng các từ thích hợp để liên kết các đoạn trong bài văn.

* Tập viết giấy biên nhận, biên bản (cho cuộc họp đơn giản), báo cáo ngắn về những việc thông thường.

* Viết bài tả người, tả cảnh sinh hoạt, kể chuyện.

- Về kỹ năng

+ Nghe nói: Nghe và thuật lại các sự việc có thật trong đời sống với lời kể rành mạch, đủ ý chính.

+ Đọc:

* Tập đọc diễn cảm bài văn, bài thơ.

* Luyện thói quen đọc thầm.

* Tìm dàn bài và các ý chính của từng phần sau khi đọc xong bài khóa.

+ Viết:

* Viết chữ đều nét, rõ ràng, trình bày sáng sủa.

* Viết một bức thư thông báo tin tức gia đình hoặc một báo cáo trong lĩnh vực sản xuất, công tác (dài khoảng 12 - 18 câu) có bố cục rõ ràng, diễn đạt rành mạch để người đọc hiểu được.

* Bài viết không mắc lỗi chính tả thông thường.

* Chữa các lỗi về câu trong bài tập làm văn và các bài viết khác.

b) Toán

- Ôn tập số tự nhiên, số thập phân, phần trăm; bốn phép tính về số tự nhiên và số thập phân; các đơn vị đo lường đã học.

- Khái niệm phân số, 4 phép tính về phân số.

- Một số khái niệm cơ bản về các hình hình học. Cách tính chu vi, diện tích hình tam giác, hình thang, hình tròn. Tính diện tích xung quanh và thể tích của hình hộp chữ nhật, hình lập phương, hình trụ. Tính thể tích hình cầu.

- 3 bài toán về phần trăm; sử dụng máy tính bỏ túi.

- 4 phép tính về số đo thời gian; các bài toán về chuyển động đều.

c) Kiến thức hành dụng

Các kiến thức hành dụng được biên soạn theo 24 chủ đề thuộc 6 lĩnh vực sau đây:

Lĩnh vực hành dụng	Vòng 5	Vòng 6	Vòng 7	Vòng 8
Đời sống gia đình	Dạy con nên người	Nếp sống mới trong gia đình	Gia đình và cộng đồng	Gia đình là tế bào của xã hội
Kinh tế thu nhập	Tổ chức sản xuất, quản lý kinh doanh	Mạng lưới các dịch vụ sản xuất - kinh doanh	Chế biến nông, lâm, ngư sản	Sử dụng công cụ sản xuất cải tiến
Kỹ thuật nông nghiệp	Cây công nghiệp	Trâu, bò	Trồng rừng và cây ăn quả	Nuôi trồng thủy sản
Bảo vệ sức khỏe	Phòng và chữa bệnh thường gặp (tiếp)	Nuôi con nhỏ	Vệ sinh phụ nữ, thai sản	Chăm sóc người già

Lĩnh vực hành động	Vòng 5	Vòng 6	Vòng 7	Vòng 8
Dân số và môi trường	Phân bố lại dân cư	Một số hiện tượng tự nhiên liên quan đến sản xuất và đời sống	Quan hệ giữa con người và môi trường	Bảo vệ tài nguyên thiên nhiên
Đạo đức công dân	Một số nội dung cơ bản của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam	Vai trò của phụ nữ	Bảo tồn văn hóa dân tộc	Đất nước ta

III. GIẢI THÍCH - HƯỚNG DẪN THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH

Đối tượng học Chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học chủ yếu là những người từ 15 tuổi trở lên. Phần lớn trong số họ là những người sống ở nông thôn, vùng sâu vùng xa, miền núi và dân tộc. Họ có những khó khăn nhất định về điều kiện và hoàn cảnh học tập. Vì vậy thời gian, cấu tạo, mục tiêu, nội dung và phương pháp giảng dạy của chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học cũng có những điểm khác biệt với chương trình Tiểu học phổ thông.

1. Phân phối thời gian

Chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học chia thành 5 lớp 1, 2, 3, 4, 5. Thời gian học ở mỗi lớp được thực hiện bằng số buổi học (không phải mỗi năm học một lớp như học sinh Tiểu học).

Lớp 1: 50 buổi học (100 phút/buổi).

Lớp 2: 50 buổi học (100 phút/buổi).

Lớp 3: 50 buổi học (100 phút/buổi).

Lớp 4: 75 buổi học (100 phút/buổi).

Lớp 5: 75 buổi học (100 phút/buổi).

Mỗi buổi học 100 phút có thể chia thành 3 tiết, mỗi tiết khoảng 30 - 35 phút (đối với các lớp 1, 2, 3) hoặc 2 tiết, mỗi tiết 50 phút (đối với các lớp 4, 5); giữa các tiết học, học viên nghỉ 5 - 10 phút.

Chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học chia các lớp theo số buổi học. Vì vậy, sau khi thực hiện xong tất cả các buổi học (đảm bảo đạt các yêu cầu về kiến thức và kỹ năng), tùy lớp (đặc biệt sau lớp 3 và lớp 5) cần thêm một số buổi ôn tập để kiểm tra chuyển lên lớp cao hơn. Do chương trình được kết thúc sau khi hoàn tất số buổi học nên việc thực hiện chương trình không phụ thuộc vào số năm, số tháng mà phụ thuộc vào số buổi học bố trí được trong từng tuần, từng tháng. Tuy nhiên, không nên bố trí học quá 2 buổi trong một ngày và ít hơn 2 buổi trong một tuần.

Trong mỗi buổi học (với các lớp 1, 2, 3 là 70 phút Tiếng Việt và 30 phút Toán; với các lớp 4, 5 là 50 phút Tiếng Việt và 50 phút Toán hoặc cả 100 phút học Tiếng Việt) có thể dẫn thời gian của mỗi môn học

hoặc từng phần của bài học theo yêu cầu của đại đa số lớp học (ví dụ: học viên người dân tộc có khó khăn hơn khi cung cấp kiến thức hoặc rèn luyện kỹ năng phần Tiếng Việt; các kiến thức thực tế người học cần được hiểu biết sâu sắc để vận dụng vào cuộc sống; giải các bài toán thực tiễn; bổ sung những kiến thức, kỹ năng đối với các học viên thiếu chuyên cần, v.v...).

2. Cấu tạo

Mục tiêu của phần kỹ năng biết chữ trong toàn bộ chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học cơ bản là tương đương với chương trình Tiểu học phổ thông nhưng do những đặc thù của người học (nhiều học viên chỉ có điều kiện học xong giai đoạn xóa mù chữ) nên trong từng giai đoạn, có những điểm khác nhau: ở giai đoạn I, môn Tiếng Việt, cần thông qua các bài viết về kiến thức hành dụng để người học vừa được rèn luyện kỹ năng vừa được cung cấp các kiến thức tương đối hoàn chỉnh về các loại dấu câu, một số từ loại, câu đơn và câu phức đơn giản. Môn Toán, cần học sớm đọc, viết các số lớn, số thập phân, phần trăm; làm tính cộng, trừ các số lớn và số thập phân.

3. Mục tiêu

Mục tiêu của chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học là rèn luyện các kỹ năng cơ bản, thiết thực về đọc, viết, tính toán (kỹ năng biết chữ) tương đương với chương trình Tiểu học phổ thông đồng thời cung cấp những kiến thức thực tiễn, cần thiết với đời sống của người học để áp dụng vào cuộc sống (kiến thức hành dụng).

3.1. Các kỹ năng biết chữ ở hai môn Tiếng Việt và Toán trong chương trình được thiết kế theo 2 giai đoạn nhằm phù hợp với nhận thức và mục tiêu của người học.

Giai đoạn I gồm các lớp 1, 2, 3. Ở giai đoạn này, về Tiếng Việt cần tập trung rèn luyện các kỹ năng đọc, viết và phát triển các kỹ năng nghe, nói (trọng tâm là kỹ năng đọc) nhằm đạt được những yêu cầu cơ bản sau: đọc thông thạo và hiểu đúng một văn bản ngắn, viết rõ ràng và đúng chính tả các chữ thông thường; thông qua bài viết về kiến thức hành dụng, người học được cung cấp và rèn luyện để nhận biết được một số kiến thức sơ giản về từ và câu. Về Toán cần rèn luyện các kỹ năng làm tính nhằm đạt yêu cầu cơ bản sau: làm thành thạo 4 phép tính cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên và 2 phép tính cộng, trừ số thập phân (có áp dụng những kiến thức về các đơn vị đo lường và các hình đã học).

Giai đoạn II gồm hai lớp 4, 5. Ở giai đoạn này, về Tiếng Việt, tập trung phát triển các kỹ năng đọc, viết ở mức cao hơn đồng thời trang bị cho học viên một số kiến thức sơ giản về tiếng Việt (trong đó chủ yếu vẫn là các kiến thức về các từ loại và câu) để đọc, viết, nghe, nói tốt hơn. Yêu cầu cơ bản mà học viên cần đạt được ở giai đoạn này là: hiểu nội dung và bước đầu biết đọc diễn cảm một bài văn, bài thơ; biết viết bài văn ngắn theo đúng quy định, biết nói ngắn về một đề tài quen thuộc, biết vận dụng một số kiến thức sơ giản về từ và câu để đọc, viết, nghe, nói có hiệu quả. Về Toán, cũng có

các kỹ năng làm tính, rèn luyện các kỹ năng giải toán, bổ sung các kiến thức về đơn vị đo lường và các yếu tố hình học nhằm đạt các yêu cầu cơ bản sau: làm thành thạo 4 phép tính cộng, trừ, nhân, chia số tự nhiên và số thập phân. Thực hiện được 4 phép tính trên với phân số và số đo thời gian. Nắm được các đơn vị đo lường, các khái niệm đơn giản về các hình thường gặp; công thức tính chu vi, diện tích, thể tích các hình để vận dụng vào thực tiễn. Giải được các bài toán hợp có đến 3, 4 phép tính; các bài toán về trung bình cộng, tỉ lệ thuận, tỉ lệ nghịch, phần trăm và chuyển động đều.

3.2. Người lớn học Giáo dục bổ túc tiểu học không chỉ để biết đọc, viết, tính toán đơn thuần mà họ còn muốn học những kiến thức hành dụng để nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân, gia đình và cộng đồng. Vì vậy, chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học cần đảm bảo đạt được mục tiêu “kép” tức là cả mục tiêu về kỹ năng biết chữ lẫn mục tiêu về kiến thức hành dụng.

Yêu cầu cần đạt được của phần kiến thức hành dụng là giúp người học hiểu biết những kiến thức thiết thực về đời sống, sản xuất, kinh tế, văn hóa - xã hội và biết áp dụng những hiểu biết đó vào đời sống hàng ngày để nâng cao chất lượng cuộc sống của bản thân, gia đình, cộng đồng.

4. Nội dung

Nội dung của chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học phải đảm bảo cho người học có đầy đủ các kỹ năng cơ bản về đọc, viết,

tính toán và có các hiểu biết thiết thực về kinh tế, văn hóa - xã hội phù hợp với nhu cầu và điều kiện của họ.

Chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học có hai môn Tiếng Việt và Toán. Các kiến thức về kinh tế, văn hóa - xã hội vừa là ngữ liệu, số liệu để học Tiếng Việt và Toán vừa là các kiến thức thiết thực để người học áp dụng vào cuộc sống.

Các kiến thức hành dụng và kỹ năng biết chữ trong chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học được gắn kết với nhau khá chặt chẽ ở hai điểm sau:

- Các kiến thức hành dụng cung cấp phải phù hợp với những kỹ năng biết chữ mà người học đã có.

- Các kỹ năng biết chữ được hình thành và phát triển thông qua bài cung cấp kiến thức hành dụng. Ở môn Tiếng Việt việc hòa nhập, lồng ghép rất rõ (thông qua học một vấn đề về đời sống, người học rèn luyện các kỹ năng đọc, viết, nghe, nói và ngữ pháp); môn Toán cũng có sự hòa nhập với học vấn đề về đời sống nhưng ở mức độ vừa phải.

Các kỹ năng đọc, viết, tính toán (kỹ năng biết chữ) được quy định cụ thể, chặt chẽ ở từng bài, từng lớp, từng giai đoạn trong chương trình môn Tiếng Việt và môn Toán. Vì vậy, phần này cần thực hiện đúng, đầy đủ để đảm bảo tính hệ thống và đạt được các yêu cầu về kiến thức, kỹ năng đã đề ra.

Các kiến thức hành dụng cung cấp ở phần bài khóa của môn Tiếng Việt. Ở giai đoạn I (giai đoạn xóa mù chữ), các kiến

thức hành dụng thuộc 4 lĩnh vực: Đời sống gia đình; Bảo vệ sức khỏe; Kinh tế và thu nhập; Ý thức công dân bao gồm 32 chủ đề được chia thành 8 vòng, trong đó từ vòng 1 đến vòng 4 (học ở lớp 2), từ vòng 5 đến vòng 8 (học ở lớp 3). Ở giai đoạn II, các kiến thức hành dụng thuộc 6 lĩnh vực: Đời sống gia đình; Kinh tế thu nhập; Kỹ thuật nông nghiệp; Bảo vệ sức khỏe; Dân số và môi trường; Đạo đức công dân bao gồm 48 chủ đề cũng có 8 vòng; từ vòng 1 đến vòng 4 (học ở lớp 4), từ vòng 5 đến vòng 8 (học ở lớp 5).

Phần kiến thức hành dụng trong chương trình và sách giáo khoa do Bộ ban hành chỉ có thể phản ánh được yêu cầu chung của các nhóm đối tượng trong cả nước nên khó có thể thiết thực với từng vùng, từng nhóm đối tượng. Vì vậy, khi thực hiện, các địa phương cần căn cứ vào yêu cầu, đặc điểm của mỗi nhóm đối tượng ở từng nơi để vận dụng cho có hiệu quả theo một số định hướng sau:

- Cần thay thế và bổ sung vào lưới chương trình, vào các bài khóa trong sách giáo khoa những chủ đề, các bài thiết thực với nhóm đối tượng của địa phương mình (có thể thay thế mọi bài không phù hợp). Khi thay thế hoặc bổ sung, có thể dùng các tài liệu có sẵn của địa phương đã được biên tập lại hoặc biên soạn các tài liệu mới.

- Khi giảng dạy, các giáo viên cũng cần điều chỉnh, bổ sung những điểm cần thiết ở một số chủ đề, một số bài học cho thiết thực hơn với đối tượng của lớp học mình phụ trách.

- Các bài khóa cung cấp kiến thức hành dụng được quy định mức độ từ ngắn đến dài hơn, từ ít từ mới đến nhiều từ mới hơn theo các vòng từ thấp lên cao (các bài khóa có thể dài từ 50 - 60 tiếng ở lớp 2 lên đến 400 - 500 tiếng ở lớp 5). Vì vậy, mỗi bài thay thế cho bài khóa cần ngắn gọn, rõ ràng, phù hợp với các kỹ năng biết chữ của chương trình để người học dễ tiếp thu và thực hành. Trong mỗi buổi học, phần kiến thức hành dụng chỉ có khoảng 30 phút để tìm hiểu và thảo luận, thời gian còn lại phải dành để học tiếng Việt và Toán do đó phần thực hành và áp dụng vào cuộc sống cần bố trí thời gian ngoài buổi học. Nếu thay thế cả một chủ đề, người dạy có thể phân ra các bài khóa phù hợp với thời gian từng buổi học hoặc thực hiện liên tục một số buổi, sau đó phải dành thời gian để học Tiếng Việt và Toán.

5. Phương pháp dạy học

Phương pháp dạy học Giáo dục bổ túc tiểu học phải phát huy tính tích cực, tự giác, chủ động đồng thời khai thác những kinh nghiệm và hiểu biết sẵn có của người học; phù hợp với đặc điểm người học, môn học; bồi dưỡng phương pháp tự học; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào thực tiễn nhằm tạo hứng thú học tập và nâng cao chất lượng cuộc sống cho người học.

Để dạy 2 môn Tiếng Việt và Toán có hiệu quả, cần chú ý đến đặc điểm của đối tượng, đặc điểm của chương trình và phương pháp giảng dạy đặc thù của mỗi bộ môn.

- Người học chương trình Giáo dục bổ túc tiểu học rất đa dạng và có nhu cầu học tập khác nhau. Vì vậy, với những đối tượng nhỏ tuổi (đặc biệt các đối tượng còn có điều kiện học lên bậc Trung học cơ sở) cần tập trung rèn luyện phần kỹ năng biết chữ.

Yêu cầu cần đạt được về các kỹ năng đọc, viết, tính toán ở đối tượng này là tương đương với cấp tiểu học phổ thông. Nhiều chủ đề hành dụng trong chương trình và sách giáo khoa Giáo dục bổ túc tiểu học chưa phù hợp với đặc điểm tâm, sinh lý của các đối tượng này (ví dụ các chủ đề: dạy con, nuôi con nhỏ, chăm sóc sức khỏe bà mẹ, sản xuất và kinh doanh, quan hệ vợ chồng, sinh đẻ có kế hoạch, v.v...) cần thay thế bằng các chủ đề khác (có thể dùng các bài khóa trong sách giáo khoa phổ thông ở các lớp tương ứng để thay thế).

Đối những người lớn tuổi, cần chú trọng đến phần kiến thức hành dụng (phần này cần tạo điều kiện để học viên được trao đổi, thảo luận, tìm hiểu, thực hành và áp dụng vào thực tế); các kỹ năng biết chữ nên tập trung vào các kiến thức, kỹ năng cơ bản, thiết thực để vận dụng vào cuộc sống.

- Phương pháp đặc thù ở môn tiếng Việt là phương pháp thực hành giao tiếp, phương pháp đóng vai, rèn luyện theo mẫu, phân tích ngôn ngữ. Ở môn Toán là gắn bó, hỗ trợ môn Tiếng Việt; góp phần giải quyết các vấn đề thực tiễn; phát triển tư duy nhằm rèn luyện các phẩm chất tốt đẹp của người lao động trong giai đoạn công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước.

6. Đánh giá kết quả học tập của học viên

Sau mỗi phần học, đặc biệt là sau mỗi lớp học, giáo viên phải đánh giá kết quả học tập của học viên theo hướng sau đây:

- Phần kiến thức hành dụng: Giáo viên và lớp học nhận xét, đánh giá thông qua sự hiểu biết và khả năng áp dụng vào thực tiễn của người học.

- Phần kỹ năng biết chữ: Giáo viên đánh giá thông qua các điểm kiểm tra thường kỳ, kiểm tra trắc nghiệm và kiểm tra cuối lớp học. Nếu điểm của hai môn Tiếng Việt và Toán đạt từ trung bình trở lên thì người học được lên học ở lớp cao hơn.

- Riêng đối với lớp 3 và lớp 5 cần chú ý:

+ Sau khi học hết lớp 3, nếu qua kiểm tra đạt yêu cầu, người học được cấp giấy công nhận biết chữ (hết lớp 3).

+ Sau khi học hết lớp 5, qua thi kiểm tra, nếu đạt yêu cầu, người học được cấp bằng Tốt nghiệp Tiểu học hệ Bổ túc.

- Các đề kiểm tra công nhận người học biết chữ hoặc cấp bằng Tốt nghiệp Tiểu học hệ Bổ túc có thể do Phòng Giáo dục và Đào tạo hoặc Sở Giáo dục và Đào tạo ra đề nhưng cần đảm bảo tính chính xác, toàn diện để đánh giá đúng, công bằng đối với người học./.

KT. Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
Thứ trưởng

NGUYỄN VĂN VỌNG